

# Viết Về Một Người Thầy Cũ

LÊ THÀNH TRINH

Kỳ này tôi muốn viết về một ông thầy cũ là thầy Trần Ngọc Oanh. Tôi nhớ đến thầy chẳng những vì thầy đã dạy học tôi năm chót tại trường Cao Đẳng Công Chánh và là người chỉ huy trực tiếp của tôi trong thời kỳ phôi thai của Nha Kiều Lộ, mà còn là vì tôi thấy thầy có những cá tính đặc biệt ít thấy ở các vị chỉ huy của ngành Công Chánh chúng ta trước đây.

Tôi không được rõ nhiều về đời tư của thầy, chỉ biết thầy là người Vĩnh Long, đã học Trung học tại trường Lasan Taberd ở Saigon rồi qua Pháp học tại trường Ecole Nationale des Ponts et Chaussées. Trở về Vietnam, thầy lập gia đình với con gái nhà nghiệp chủ Trương Văn Bền, chủ hãng Xà Bông Vietnam. Đây là xí nghiệp làm xà bông quan trọng đầu tiên của người Việt, có xưởng chế tạo ở gần chợ Kim Biên tại Saigon.

Hồi tôi còn nhỏ, cha tôi, một nhà Nho, vì muốn trang bị cho tôi một số kiến thức Khổng Mạnh nên đã bắt tôi học chữ Nho. Trong các sách học có cuốn Tam Thiên Tự gồm 3000 chữ Nho thông dụng. Cha tôi bắt tôi học nghĩa từng chữ trước khi học viết vì viết khó quá. Tôi nhìn vào sách ngâm nga: Thiên = Trời, Địa = Đất, Cử = Cát, Tôn = Còn, Tử = Con, Tôn = Cháu, Lục = Sáu, Tam = Ba, vân vân. Khi chán đọc thì tôi xem những quảng cáo in trong sách này. Một trong những quảng cáo mà tôi còn nhớ là bài thơ lục bát sau đây quảng cáo cho Xà Bông Vietnam:

Này xà phòng mới, mới ra,

Chính hàng nội hóa tên là Việt Nam

Xưởng ta chế, thợ ta làm,

Chất dầu đã lắm, chất thơm lại nhiều.

Giá tiền nào có bao nhiêu,

Vài xu một bánh, vài hào một cân.

Mẹ tôi thường mua những cục xà bông thơm Vietnam gọi là xà bông Cô Ba vì ở ngoài hộp có in hình một cô gái miền Nam với hàng chữ Xà Bông Cô Ba. Theo người ta nói thì Cô Ba có hình ở trên nhãn hiệu

này là ái nữ của ông Trương Văn Bền và chính là phu nhân của thầy Trần Ngọc Oanh.

Lần đầu tiên tôi được gặp thầy là ngày thầy đến dạy chúng tôi ở trường Cao Đẳng Công Chánh, lúc ấy đang ở trên lầu của trường kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, ở ngã ba Hồng Thập Tự và Phùng Khắc Khoan. Thầy Oanh phụ trách hai môn “Sức bền của vật liệu” (Strength of Materials) và môn “Bê tông cốt thép” (Reinforced Concrete) là hai môn học căn bản của ngành Công Chánh. Chúng tôi hơi ngỡ ngàng khi thấy thầy: thay vì thấy một ông già áo quần trang trọng thì chúng ta lại thấy một chàng trai trẻ măng, mặc quần áo giống như công nhân. Thầy nói là vừa ở xưởng làm cầu của hãng Eiffel ra, mà làm ở xưởng thì không có chuyện ăn trăng mặc tròn được.

Phút ngỡ ngàng ban đầu đã qua và với nhiệt tình của tuổi trẻ, sự dễ dàng cảm thông tình trạng của từng đứa chúng tôi cộng với tầm hiểu biết kỹ thuật rộng của thầy đã gây được cảm tình và sự thán phục của chúng tôi đối với thầy. Thầy đã khéo léo dẫn dắt chúng tôi vượt qua những điểm khó khăn của môn học để làm quen với những tư tưởng của ông Timoshenko, tổ sư ngành “Sức bền vật liệu”. Để môn học “Bê tông cốt thép” có tính cách thực dụng, thầy đã phân phát cho chúng tôi những tài liệu riêng của hãng Eiffel dùng để tính toán cầu và bê tông cốt thép. Không hiểu lúc đó thầy có biết là việc phổ biến tư liệu của Eiffel là một việc bất hợp pháp và hãng này có thể kiện thầy đòi bồi thường vì đã sử dụng trái phép các tài liệu riêng của họ.

Khi chúng tôi ra trường thì thầy đã được Bộ Công Chánh mời về làm việc cho Bộ vì hiện Bộ đang cần một chuyên viên có khả năng như thầy để tổ chức một cơ quan sắp thành lập gọi là Nha Kiều Lộ đặc trách về đường bộ.

Sở dĩ có sự thành lập cơ quan mới này là do sức ép của Mỹ đối với chính phủ Việt Nam. Sau khi hiệp định Geneva chia đôi Việt Nam thì Mỹ bắt đầu nhảy vào miền Nam Việt Nam trong khi ảnh hưởng của Pháp tại đây càng ngày càng yếu đi. Theo chiến lược dài hạn của họ, người Mỹ thấy cần phải nâng cao đời sống kinh tế của miền Nam Việt Nam và việc đầu tiên phải làm là gấp rút canh tân hệ thống đường bộ. Họ nghĩ rằng Bộ Công Chánh phải có một cơ quan riêng biệt để phụ trách các đường bộ theo như tổ chức các Highway Department ở Mỹ. Vì vậy, một mặt họ gây sức ép với Tổng thống Ngô Đình Diệm, một mặt họ mướn hãng Kỹ sư Cố vấn Capitol Engineering Corporation qua Vietnam với hai nhiệm vụ rõ rệt: a) Cố vấn cho Bộ Công Chánh để thành lập Nha Kiều Lộ và b) Thiết kế đồ án tân tạo Xa lộ Saigon-

Biên Hòa và canh tân hai quốc lộ số 19 (Quinhon-Pleiku) và số 21 (Nahtrang-Banmethuot).

Một trong những khó khăn trong việc thành lập Nha Kiêu Lộ là tìm ra vị chỉ huy tương lai cho Nha này. Lê dĩ nhiên vị chỉ huy này phải thông thạo tiếng Anh để có thể trực tiếp giao thiệp với Mỹ. Ngoài ra, theo truyền thống của Bộ Công Chánh lúc ấy thì các chức vụ từ Chánh Sự Vụ trở lên chỉ có thể trao cho những người đã tốt nghiệp ở Pháp. Các vị chỉ huy trong ngành Công Chánh lúc bấy giờ tuy nhiều vị đã có học tiếng Anh nhưng phần đông sử dụng ngoại ngữ này chưa thông thạo. Thầy Oanh là một ngoại lệ: không hiểu thầy học nói tiếng Anh từ bao giờ mà thầy nói tiếng Anh rất nhuần. Chúng tôi rất thán phục và thường khen là “thầy nói tiếng Anh như Mỹ”. Việc thầy được mời để lo thành lập Nha Kiêu Lộ là việc tất nhiên sẽ xảy ra vì thầy đã hội đủ cả hai điều kiện tốt nghiệp ở Pháp và thông thạo tiếng Anh.

Khóa 4 Công Chánh của chúng tôi vừa mới mãn thì thầy Oanh đã yêu cầu Bộ tuyển dụng ba đứa chúng tôi là anh Nguyễn Thế Diễn, anh Lê Cảnh Túc và tôi về làm tại Nha Kiêu Lộ mới thành lập. Bốn thầy trò chúng tôi đối xử với nhau như tình anh em. Chẳng những thầy tận tình chỉ dẫn cho chúng tôi về công việc mà còn thường xuyên lưu tâm đến đời sống riêng tư của từng cá nhân chúng tôi. Khi tôi được cử đi làm chung với một toán đo đạc của nhà thầu Mỹ ở Bình Định để học việc, biết tôi chưa được lãnh lương, thầy đã ứng trước tiền túi cho tôi mượn, dù tôi không có yêu cầu. Thầy Oanh đã ảnh hưởng rất nhiều đến quyết định của tôi chọn ngành đường bộ và tiếp tục làm việc cho Nha Kiêu Lộ cho đến ngày chót của cơ quan này, mặc dù nhiều lần cơ quan này đã đối xử với tôi rất là bạc bẽo.

Một trong những kỷ niệm về công việc tôi đã làm với thầy là nghiên cứu đồ án làm cầu Mỹ Thuận qua sông Cửu Long. Ai đã sử dụng quốc lộ 4 từ Saigon đi miền Tây (nay đổi là quốc lộ 1A) thì đều thấy sự cần thiết thay thế hệ thống phà Mỹ Thuận bằng một cây cầu tại địa điểm này. Kế hoạch làm cầu Mỹ Thuận đã được đặt ra từ lâu nhưng chưa lần nào tiến đến mức có được một đồ án thiết kế hoàn toàn cho công tác này. Vì công tác này lớn, vượt quá khả năng thiết kế của chúng tôi, nên chính phủ Việt Nam đã bỏ ra một số ngoại tệ để mướn một hãng Kỹ Sư Cố Vấn ngoại quốc thiết kế đồ án này. Hãng Nhật Bản Nippon Koei đã được trao nhiệm vụ này.

Tôi rất may mắn vì mới ra trường mà đã được tham gia vào một kế hoạch lớn như thế. Thầy Oanh đâu óc rất phóng khoáng nên đã tìm hiểu và tiếp thu những kỹ

thuật làm cầu của người Nhật. Thầy thảo luận thoải mái với các chuyên viên Nhật và đã gây được sự kính phục của họ. Tôi đã học hỏi được rất nhiều với thầy trong thời gian này, về chuyên môn cũng như về cách xử thế.

Công việc đang triển khai thì thầy Oanh đã rời Nha Kiêu Lộ đi lãnh nhiệm vụ khác còn tôi thì vẫn tiếp tục tham gia vào việc thiết kế này. Vào giai đoạn chót, hãng Nippon Koei đã mời một phái đoàn ta qua Nhật nói là để duyệt đồ án. Thật ra thì chuyến đi này không cần thiết nhưng nó nằm trong chương trình giao tế của người Nhật. Tôi hí hứng khoe với bạn bè về chuyến đi Nhật tương lai vì tôi nghĩ rằng mình đã tham gia vào công việc này từ đầu thì chắc sẽ có chân trong phái đoàn. Tuy nhiên, phái đoàn Kiêu lộ Việt Nam qua Nhật đã không có tôi.

Làm ở Nha Kiêu Lộ chưa được một năm thì thầy Oanh qua làm Chánh Sự Vụ sở Thủ Nông. Trong giai đoạn này, tư bản Nhật đã thâm nhập mạnh vào Việt Nam và chính phủ Nhật đã thỏa thuận xây cất hệ thống thủy điện Đa Nhim trong chương trình bồi thường chiến tranh. Người thích hợp cho công việc này vẫn là thầy Oanh và thầy đã được cử làm Tổng Giám Đốc chương trình thủy điện Đa Nhim.

Tôi không được biết nhiều về sự nghiệp của thầy Oanh sau ngày thầy rời Nha Kiêu Lộ. Sau khi hoàn thành mãn nhiệm vụ ở chương trình Đa Nhim, thầy đã được bổ nhiệm vào chức vụ cao nhất trong ngành là chức Tổng Trưởng. Rồi thầy lại rời hẳn Bộ Công Chánh để đi làm chính trị tại Quốc Hội. Tôi càng ít được biết về thầy và tôi nghĩ rằng thầy không còn nhớ đến tôi nữa.

Một sự kiện khá đặc biệt đã chứng tỏ sự làm lắn của tôi. Số là Nha Kiêu Lộ có một bộ phận phụ trách các công tác cầu tên là sở Nghiên Cứu Cầu. Dù tên là “nghiên cứu” nhưng sở này phụ trách cả thiết kế và kiến tạo cầu. Chánh Sự Vụ sở này lúc ấy là anh Bửu Đôn và tôi phụ tá cho anh. Trong thời gian này chúng tôi đã thực hiện một số cầu khá quan trọng. Khi chương trình khai thác dầu hỏa ở Miền Nam bắt đầu phát triển thì Bộ Kinh Tế đã điều đình với Bộ Công Chánh để mượn anh Đôn vì trước đây anh có học về khai thác dầu hỏa. Trước khi ra đi anh Đôn có yêu cầu tôi hai việc: a) thay anh phụ trách sở Nghiên cứu Cầu và b) thay anh dạy môn “Sức Bền Vật Liệu” tại trường Điện ở Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ. Tôi đã thực hiện được cả hai điều yêu cầu của anh. Tuy nhiên không hiểu anh Đôn có biết là tôi không được chính thức cử làm Chánh Sự Vụ thay anh mà chỉ được làm Quyền Chánh Sự Vụ. Chữ “Quyền” ở đây có nghĩa là tôi chưa xứng đáng được làm Chánh Sự Vụ mà phải qua một thời gian thử thách. Theo thông lệ thì thời gian thử thách lâu chừng năm ba tháng. Nếu làm được

việc thì sẽ được chính thức bổ nhiệm, nếu làm lỡ thì sẽ bị cho về vườn và có người khác thay thế.

Trường hợp của tôi khá đặc biệt vì tôi đã giữ chức Quyền Chánh Sự Vụ rất lâu. Xin các bạn cho phép tôi kể ra một chi tiết hơi tục. Theo anh Ái Văn, có tiếng là hay nói tiểu lâm, thì tôi có “Q” dài nhất Bộ Công Chánh. Chữ “Q” là chữ đầu của “Quyền” và tôi có lẽ là người giữ một chức vụ “Quyền” lâu nhất Bộ Công Chánh.

Một hôm tôi nhận được Nghị Định bổ nhiệm tôi làm Chánh Sự Vụ sở Nghiên Cứu Cầu do Tổng trưởng Trần Ngọc Oanh ký. Tôi rất ngạc nhiên vì có bao giờ đòi hỏi chuyện này đâu? Sau này người quen ở phòng Nhân Viên cho biết là đã có một dự thảo Nghị Định cử một người làm Chánh Sự Vụ sở Nghiên Cứu Cầu. Dự thảo này được trình lên Tổng Trưởng Oanh nhưng thay vì ký thì ông lại chỉ thị cho Nha Tổng Thư Ký làm gấp thủ tục để bổ nhiệm tôi vào chức vụ này. Kể từ ngày đó, mỗi khi nói đến tôi thì anh Ái Văn lại tiểu lâm rằng tôi không còn “Q” nữa.

Lần chót tôi gặp thầy Oanh là ở trong trại cải tạo 15-NV Long Thành tại Biên Hòa. Sau khi bị bỏ đói gần một ngày, chúng tôi đứng xếp hàng để lãnh phần cơm nguội. Tôi đứng cạnh thầy và ứa nước mắt nói với thầy: “Tại sao thầy cũng có mặt ở đây?” Thầy buồn rầu nhìn tôi mà không nói gì cả.

Sau khi tôi mãn hạn tù trở về thì được tin thầy Oanh đã vượt biển băng đường thủy và đã bị chết chìm. Những người đi cùng thuyền kể lại rằng thuyền đã tới gần bờ và có người đã té xuống biển. Thầy Oanh nhảy xuống nước cứu người này và đã bị sóng cuốn đi luôn. Tôi không được biết hiện nay gia đình của thầy ra sao nhưng có người nói là cô Oanh vẫn tin là thầy còn sống và cô vẫn đợi ngày thầy trở về với cô.

Vì không được ở gần thầy nên tôi không biết về tính tình của thầy sau này. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng thời gian thầy làm chính trị, với tất cả những lát léo của nó, không thể nào thay đổi được cá tính của thầy, một cá tính đầy vị tha và không vương vấn một chút kỳ thị.

Cái chết bi thảm của thầy trên biển Đông đã chẳng phải là một bằng chứng hùng hồn về lòng vị tha của thầy hay sao? □

## Văn Minh Luận Bàn

Người Nhật Bản bắt đầu dùng chữ “Văn Minh” trước nhưng trong Kinh-dịch của Trung Hoa đã có câu: “Thiên-hà Văn-minh”. Tại Pháp chữ Văn-Minh mới phát minh từ năm 1835 và mang đến Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 18, thời kỳ người Pháp đến đô hộ Việt Nam, tỏ vẻ tiến bộ hơn người Việt Nam và đem chữ văn minh thông dụng trong mọi việc.

Nghĩa chữ Văn Minh cho rõ ràng ra sao thì tự điển Littré của Pháp giải nghĩa: “*L'ensemble des opinions et des moeurs qui résultent de l'action réciproque des arts industriels, de la religion, des beaux arts et des sciences*”. Tạm dịch: “Văn Minh là tất cả những ý kiến cùng phong tục do các nghệ thuật kỹ nghệ, tôn giáo, mỹ thuật và khoa học hợp lẫn nhau tạo nên”.

Lịch sử văn minh đã do những danh nhân nào đề xướng? Như ở Pháp có Montesquieu, Voltaire tuyên ngôn ra trong *L'esprit des Lois* (tinh thần về Luật Pháp).

Loài người từ thời cổ ăn lông ở lỗ là thời dã man, rồi dần dần đến bán khai, sau mới tiến đến thời Văn Minh. Nước Anh có chủ thuyết tiến hóa đầu tiên do ông Gilbon đề xướng ra. Người Đức nghiên cứu về lịch sử nhân loại do ông Herden năm 1744 viết ra thành sách.

Lịch sử Văn Minh là lịch sử chung của nhân loại phát minh từ thế kỷ 18.

Phải nhận rằng khi làm một việc gì cũng do một nguyên cớ và nguyên cớ này cũng lại do nguyên nhân trên trước nữa, biết đâu các nguyên nhân trước thì xét được kết quả, như thế mọi việc đều có nguyên nhân, nếu nguyên nhân giống nhau thì kết quả giống nhau. Động lực làm ảnh hưởng đến tổ chức xã hội có văn minh là: cảnh tượng chung trong “thế gian có văn minh”. Như vậy lịch sử văn minh là lịch sử của nhân loại.

Ở những xứ lạnh phải ăn nhiều mới có đủ nhiệt độ và đồ ăn là các thứ có nhiều dầu mỡ khó kiềm. Ở những xứ nóng thì ăn ít mà rau đậu dễ kiềm, dân số tăng nhanh. Ảnh hưởng khí hậu, nơi định cư, đồ ăn làm cho văn minh dân một xứ tiến hơn mau!

Ở Âu châu người đã lấy tài năng, khôn ngoan để đoạt tạo vật tiến tới Văn Minh mau hơn. Dân tại đồng quê bỏ canh tác ra tinh thành có nhiều cơ hội đi tới Văn Minh.

Trí tuệ con người mới thực là cái động cơ làm cho một xứ được Văn Minh. □